

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2023/DS-PT**
Ngày: 20-3-2023
V/v “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quang.

Trong các ngày 13 và 20 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2022/TLPT- DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2022/QĐXX-PT ngày 07/12/2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1936 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Đình C là ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1997 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn:

1. Ông Bùi Văn V, sinh năm 1983, trú tại: Tổ 2, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1991. Trú tại: Tổ 6, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 Ông Trần Đình H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Tổ 1, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

2 Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1997 có mặt

3 Bà Lê Thị L, sinh năm 1948 vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Đình C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L, ông Nguyễn Viết T.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình C và người đại diện theo ủy quyền cho ông C là ông Nguyễn Viết T trình bày: Ngày 07/10/2020, Tòa án nhân dân thị xã B thụ lý vụ án số 03/2020/TLST-DS đối với đơn khởi kiện của ông Bùi Văn V và ông Trần Văn H về việc yêu cầu ông Nguyễn Đình C trả số tiền 1.783.250.040 đồng. Ngày 23/10/2020, ông Nguyễn Đình C với tư cách là bị đơn, ông Trần Đình H với tư cách là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Viết T với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại Điều 2 Hợp đồng ủy quyền thể hiện “Thời hạn ủy quyền được tính từ ngày công chứng cho đến khi vụ việc được giải quyết xong bằng quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật hoặc chấm dứt theo quy định của pháp luật”. Trong quá trình chuẩn bị xét xử thì ông C và cháu nội ông C là ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện mà chỉ đồng ý trả cho ông V, ông H một phần tiền 537.700.600 đồng. Tòa án không đưa bà Lê Thị L vợ ông C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì số tiền mà Công ty H – Công ty Cổ phần truyền tải điện L bồi thường là tài sản chung vợ chồng ông C. Ông H không hướng dẫn, giải thích cho ông C biết. Tại Biên bản hòa giải ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã B cũng không đưa bà L vào tham gia tố tụng nhưng ghi nhận kết quả hòa giải như sau: “Ông Nguyễn Đình C, ông Nguyễn Viết T và đại diện theo ủy quyền của ông C, ông T là ông Trần Đình H đồng ý trả số tiền 1.100.000.000 đồng cho ông V, ông H và chuyển vào số tài khoản 050093769063 tại Sacombank của ông Hiền”. Sau khi ông Cảnh, ông T ký vào biên bản hòa giải thì ông H liên tục hỏi thúc ông C và ông T nộp 1.100.000.000 đồng vào tài khoản ông Trần Văn H. Do không hiểu biết pháp luật và bị ông H hỏi thúc quá nhiều nên ngày 02/02/2021 ông T đã nộp 1.100.000.000 đồng vào số tài khoản cho ông Trần Văn H. Sau khi nhận được tiền thì ông V, ông H đã rút đơn khởi kiện. Ngày 03/02/2021, Tòa án nhân dân thị xã B ra quyết định đình chỉ vụ án dân sự sơ thẩm số 09/2021/QĐST - DS, ngày 04/02/2021, ông T kháng cáo quyết định đình chỉ với lý do việc trả 1.100.000.000 đồng cho ông V, ông H là không đúng. Khi có đơn kháng cáo thì ông H đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền mặc dù quyết định đình chỉ chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 09/4/2021,

Tòa án nhân dân tỉnh B có quyết định số 10/2021/QĐ - PT giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ không chấp nhận kháng cáo. Ông V, ông H khởi kiện yêu cầu ông C, ông T trả 1.783.250.040 đồng là không đúng vì theo

Hợp đồng mượn đất nuôi tằm, Bản xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB thì tài sản mà ông V, ông H đầu tư trên đất được bồi thường là 672.430.000 đồng x 80% = 537.944.000 đồng. Trong số tiền này có ½ là tiền của vợ chồng ông C. Việc hòa giải ngày 01/02/2021 tại Tòa án nhân dân thị xã B không có vợ ông C tham gia, do không hiểu biết pháp luật của ông C, ông T và quan điểm của ông H trái với bản tự khai ngày 30/10/2020 là xâm phạm quyền lợi hợp pháp của gia đình ông C. Quá trình giải quyết, Tòa án không đưa bà L vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình vì trong 1.100.000.000 đồng mà Tòa án lập biên bản hòa giải ngày 01/01/2021 có phần tài sản của bà L. Ông H biết rất rõ số tiền do Công ty cổ phần Tập đoàn H bồi thường là tài sản chung của vợ chồng ông C, bà L nhưng không tư vấn, giải thích, hướng dẫn cho bà L tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho gia đình ông C, bà L mà khi hòa giải chỉ hối thúc ông C và ông T trả 1.100.000.000 đồng. Sau khi ông T trả tiền cho ông V, ông H thì ông Đình H đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền trái pháp luật để bỏ mặc gia đình ông C, bà L tự kháng cáo, tự giải quyết tại cấp phúc thẩm. Ngoài ra, ông Đình H đã lợi dụng sự không am hiểu pháp luật của ông C và ông T làm thiệt hại cho gia đình ông C. Theo Biên bản hòa giải thì “ông Nguyễn Đình C, ông Nguyễn Viết T và đại diện theo ủy quyền của ông C, ông T là ông Trần Đình H đồng ý trả số tiền 1.100.000.000 đồng cho ông V, ông H” đồng nghĩa việc ba người cùng trả số tiền 1.100.000.000 đồng. Nhận thấy số tiền trả cho ông V, ông H là không đúng; ông Đình H đơn phương chấm dứt Hợp đồng ủy quyền mà không có sự thỏa thuận của ông C và ông T là không đúng. Nay ông C yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn V, ông Trần Văn H và ông Trần Đình H liên đới trả lại cho ông C và bà L số tiền trả không đúng cho ông V, ông H là 562.300.000đ (Năm trăm sáu mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Bùi Văn V và ông Trần Văn H trình bày: Không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông C vì số tiền thỏa thuận trong biên bản hòa giải ngày 01/02/2021 tại Tòa án nhân dân thị xã B đã ghi nhận kết quả hòa giải “Ông Nguyễn Đình C, ông Nguyễn Viết T và đại diện theo ủy quyền của ông C, ông T là ông Trần Đình H đồng ý trả số tiền 1.100.000.000 đồng cho ông V, ông H và chuyển vào số tài khoản 050093769063 tại Sacombank của ông H”. Sau khi ông C, ông T ký vào biên bản hòa giải thì ngày 02/02/2021 ông T thực hiện chuyển tiền 1.100.000.000 đồng vào tài khoản ông H. Số tiền ông C trả cho ông V và ông H đã nhận và tiêu xài hết, chi trả các chi phí tiền công, tiền vật liệu xây dựng. Việc thỏa thuận trong hòa giải là các bên hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc, đe dọa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Đình H trình bày: Ông H không đồng ý với các yêu cầu của ông C vì trước đây ông H tham gia trong vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST - DS, ngày 07/10/2020 là người đại diện theo ủy quyền của ông C. Quá trình giải quyết vụ án ông H có tham gia phiên hòa giải, tại phiên hòa giải có ông C và ông T tham gia. Trong phiên hòa giải ông C và ông T thống nhất trả cho ông V và ông H. Ông Đình H xác định là không hối thúc hay hù dọa, áp đặt gì đối với ông C và ông T. Việc thỏa thuận là tự nguyện, ông T chuyển tiền cho ông H là

hoàn toàn tự nguyện. Việc ông C, ông T kháng cáo quyết định đình chỉ như thế nào không thông báo cho ông Đình H nên không biết.

Bà Lê Thị L trình bày ý kiến tại bản tự khai yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Văn V, ông Trần Văn H và ông Trần Đình H liên đới trả lại cho ông C và bà L số tiền 562.300.000 đồng.

Ông Nguyễn Viết T trình bày: Do không hiểu biết pháp luật, áp lực từ phía Tòa án cho rằng nếu không giải quyết xong thì sợ bị thu hồi toàn bộ số tiền đền bù nên ông T đã tự ý chuyển trả số tiền 1.100.000.000 đồng cho ông V, ông H thông qua tài khoản của ông H mà không hỏi ý kiến của ông C và bà L. Trong quyết định đình chỉ của Tòa án B đã ghi đương sự được quyền kháng cáo tuy nhiên do gia đình ông T không am hiểu pháp luật nên ông Đình H phải có trách nhiệm trong thời hạn kháng cáo 15 ngày phải hỏi gia đình ông T có kháng cáo không nhưng ông H không làm điều này. Khi ông T kháng cáo ông T có điện thoại báo cho ông H biết việc gia đình ông T kháng cáo nhưng ông Đình H bỏ mặc và không thực hiện đúng hợp đồng ủy quyền.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 nguyên đơn ông Nguyễn Đình C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L, ông Nguyễn Viết T kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước, buộc anh V, anh H, ông Đình H trả lại cho ông số tiền 1.100.000.000 – 429.121.280 đồng = **670.878.720** đồng.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B có quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS đề nghị hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước về việc không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đình C buộc ông Bùi Văn V, ông Trần Văn H liên đới trả số tiền 562.300.000 đồng và chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước giải quyết lại vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Viết T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P

Ý kiến của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đình H tôi chỉ tham gia ở cấp sơ thẩm, ông T không nhờ tôi tham gia ở cấp phúc thẩm, bà L cũng không ủy quyền cho tôi. Vì vậy tôi chỉ tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông T ở cấp sơ thẩm và các bên cũng đã tự nguyện thỏa thuận với nhau, cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án, do đó tôi không có lỗi trong vụ việc này nên tôi không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình C, bà Lê Thị L, anh Nguyễn Viết T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đối với yêu sửa Bản án sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước. Buộc anh V, anh H, ông Đình H trả lại cho ông số tiền 1.100.000.000 – 429.121.280 đồng = **670.878.720** đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình C, bà Lê Thị L, anh Nguyễn Viết T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước đối với yêu sửa Bản án sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước theo hướng buộc anh V, anh H, ông Đình H trả lại cho ông số tiền 1.100.000.000 – 429.121.280 đồng = 670.878.720 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn nêu lý do, trong vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-DS ngày 07/10/2020 của TAND Thị xã B việc cộng trừ tính toán của Nguyên đơn có sự nhầm lẫn, sai sót dẫn đến việc nguyên đơn đã đồng ý chi trả tiền không chính xác và phía nguyên đơn cũng đã có kháng cáo quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án số 09/2021/QĐ-ĐC ngày 03/02/2021 của TAND thị xã B.

Tuy nhiên qua xem xét lời khai của ông Nguyễn Đình C ngày 28/12/2020, anh Nguyễn Viết T ngày 30/10/2020 (BL 37,38) đã tự mình tính toán 80% theo hợp đồng mượn đất nuôi tằm phải trả cho anh V, anh H là 560.000.000 đồng.

Sau đó, đến ngày 01/02/2021 các bên mới được Tòa án mời tham gia hòa giải và các bên tham gia đã thống nhất thỏa thuận với nhau với nội dung: “*Ông Nguyễn Đình C, ông Nguyễn Viết T và đại diện theo ủy quyền của ông C, ông T là ông Trần Đình H đồng ý trả số tiền 1.100.000.000 đồng cho ông Bùi Văn V và ông Trần Văn H. Ông Bùi Văn V và ông Trần Văn H đồng ý nhận số tiền này vào ngày 02/02/2021 và chuyển vào số tài khoản 050093769063 tại Sacombank, tên chủ tài khoản là ông Trần Văn H. Sau khi thỏa thuận với nhau, ông Bùi Văn V và ông Trần Văn H sẽ rút yêu cầu khởi kiện đơn ông Nguyễn Đình C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết T và cam kết không khiếu nại về sau*”.

Vào ngày 02/02/2021 ông T đã chuyển vào tài khoản của ông H 1.100.000.000 đồng. Đồng thời anh V, anh H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

Xét nội dung thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 01/02/2021, mặc dù phía nguyên đơn có người đại diện là ông Trần Đình H nhưng về thành phần

có sự tham gia trực tiếp của ông C và anh T. Việc thỏa thuận đảm bảo đúng nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự trên cơ sở tự do, bình đẳng, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Nội dung cam kết, thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể tham gia tôn trọng. Và các bên đã thực hiện xong những nghĩa vụ đã được thỏa thuận ngày 01/02/2021 nên phải tự chịu trách nhiệm về việc cam kết này.

Xét lời khai của ông Nguyễn Đình C ngày 28/12/2020, anh Nguyễn Viết T ngày 30/10/2020 (BL 37,38) đã tự tính giá trị 80% theo hợp đồng mượn đất để trả cho anh V, anh H là 560.000.000đồng và theo đơn kháng cáo sau khi tính kỹ lại thì số tiền phải trả cho anh V, anh H là 557.121.280đồng. Mặc dù có sự chênh lệch về số tiền nhưng vẫn có giá trị thấp hơn nhiều so với số tiền đã thỏa thuận vào ngày 01/02/2021 nên lý do mà nguyên đơn nêu ra do nhầm lẫn là không có cơ để chấp nhận.

Về nội dung thỏa thuận ngày 01/02/2021, đây thực chất là một cam kết, thỏa thuận mới, thỏa thuận lại nên đương nhiên sẽ làm mất hiệu lực của nội dung cam kết, thỏa thuận vào ngày 03/11/2018 (Hợp đồng mượn đất nuôi tằm). Các bên cũng đạt được mục đích của thỏa thuận, đó là các bên cùng có lợi; cụ thể phía ông V, ông H được nhận số tiền nhiều hơn số tiền được ông C tự tính toán theo 80% (là 560.000.000đồng), còn phía ông Cảnh sẽ được ông Vương, ông H rút đơn khởi kiện. Hơn nữa TAND tỉnh Bình Phước cũng đã ra quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 09/2021/QĐ-ĐC ngày 03/02/2021 của TAND thị xã B; cụ thể không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Viết T. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại tài sản là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B nêu ông C và ông T đã có ý kiến phản đối và có kháng cáo quyết định đình chỉ trước khi hết thời hạn để Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên cần phải xem xét đánh giá lại là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi lẽ, thỏa thuận ngày 01/02/2021 là một cam kết, thỏa thuận mới, thỏa thuận lại và các bên đã thực hiện xong vào ngày 02/02/2021 nên không còn được xem là biên bản hòa giải thành để ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại điều 211,213 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về kháng cáo của Nguyên đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu buộc ông Trần Đình H phải liên đới trả cho Nguyên đơn số tiền 670.878.720 đồng, với lý do ông Đình H có dấu hiệu lừa dối, mặc dù trước đây là đại diện ủy quyền của nguyên đơn nhưng ông Đình H không theo đuổi vụ kiện đến cùng. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Đình H tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông C trong vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-DS, ngày 07/10/2020. Quá trình giải quyết vụ án ông Đình H có tham gia phiên hòa giải, tại phiên hòa giải có cả ông C và ông T tham gia. Trong phiên hòa giải ông C và ông T thống nhất trả tiền cho ông V và ông H số tiền 1.100.000.000 đồng đúng như nội dung biên bản hòa giải ngày 01/02/2021. Nghĩa vụ của ông C trả tiền cho ông V và ông H và chuyển trả tiền vào số tài

khoản 050093769063 tại Sacombank của ông H là ông C với ông T tham gia và thực hiện. Việc ông Đình H làm đại diện theo ủy quyền của ông C trong vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST - DS ngày 07/10/2020, tại phiên hòa giải thì có mặt ông C và có cả ông T tham gia nên không có việc ông Đình H gây thiệt hại. Về chấm dứt ủy quyền, ông Đình H cũng không có lỗi vì ông Đình H đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng ủy quyền. Ngoài ra phía nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh ông Đình H đã gây thiệt hại cho mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của ông Nguyễn Đình C, bà Lê Thị L, anh Nguyễn Việt T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B không có căn cứ để chấp nhận cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L người cao tuổi không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, anh T có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sửa Bản án sơ thẩm là không có cơ sở nên không được chấp nhận

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L, anh Nguyễn Việt T;

Không chấp nhận kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đề nghị sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ vào Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 167 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình C về việc “Kiện đòi tài sản”

- Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định:

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Đình C là người già và có đơn xin miễn giảm tiền án phí, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Đình C.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Đình C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L là người già và có đơn xin miễn giảm tiền án phí, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc, anh Nguyễn Việt T được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã B;
- CCTHADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Thảo